

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN SÀI GÒN – HÀ NỘI



Solid partners, flexible solutions

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT
NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN – HÀ NỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2021/QĐ-BKS
Ngày 07/5/2021 của Ban Kiểm soát)*

Hà Nội, năm 2021



NGÂN HÀNG TMCP
SÀI GÒN - HÀ NỘI
BAN KIỂM SOÁT

Số: 45/2021/QĐ-BKS

Hà Nội, ngày 07 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội**

BAN KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN – HÀ NỘI

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng, số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam,;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán”;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 Ngân hàng Nhà nước ban hành “Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán”;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông phiên họp thường niên lần thứ 29, năm 2021 của SHB;

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ-HĐQT ngày 07/5/2021 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) về việc: Ban hành Điều lệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB),

QUYẾT ĐỊNH

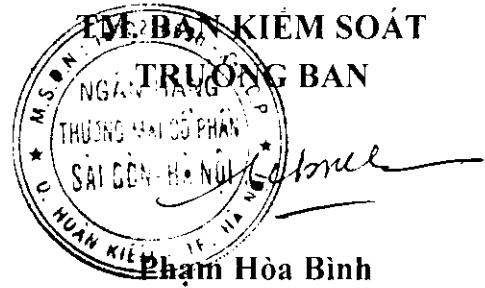
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội*”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 48/2020/QĐ-BKS ngày 22/6/2020 của Ban Kiểm soát “Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội”, những quy định trước đây có liên quan trái với Quyết định này hết hiệu lực thi hành.


Điều 3. Trưởng Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Khối Kiểm toán nội bộ và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.


Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- HĐQT (để biết);
- TGD (để biết);
- Lưu: BKS.



BẢNG KIỂM SOÁT

BIÊN SOẠN	
ĐƠN VỊ BIÊN SOẠN: BAN KIỂM SOÁT	
Ngày	07/5/2021
Chữ ký	
Họ và tên	Lê Thanh Cẩm

CHỈ ĐẠO, KIỂM SOÁT VÀ PHÊ DUYỆT: TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT	
Ngày	07/5/2021
Chữ ký	
Họ và tên	Phạm Hòa Bình

LỊCH SỬ THAY ĐỔI

Lần sửa đổi	Ngày	Sửa đổi (điều khoản/mục)	Nội dung (ghi tên điều mục)	Lý do sửa đổi (vấn đề)
1	08/7/2010	Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát (QC TCHĐ BKS) theo Quyết định (QĐ) số 257/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị (HĐQT)	Thay thế QC TCHĐ BKS ban hành theo QĐ số 174/QĐ-HĐQT ngày 27/7/2009 của HĐQT	Phù hợp Luật Các tổ chức tín dụng (TCTD) số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 của Quốc hội và Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) theo Luật này.
2	19/8/2013	QC TCHĐ BKS theo QĐ số 475/QĐ-HĐQT của HĐQT	Thay thế QC TCHĐ BKS ban hành theo QĐ số 257/QĐ-HĐQT ngày 08/7/2010 của HĐQT	Phù hợp Điều lệ sửa đổi, bổ sung ban hành kèm theo Quyết định số 230/QĐ-HĐQT ngày 26/4/2013 của HĐQT đã được xác nhận đăng ký tại văn bản số 3536/NHNN-TTGSNH ngày 17/5/2013 của Ngân hàng Nhà nước (NHNN)
3	26/6/2018	QC TCHĐ BKS theo QĐ số 31/2018/QĐ-BKS của BKS	Thay thế QC TCHĐ BKS ban hành theo QĐ số 475/QĐ-HĐQT ngày 19/8/2013 của HĐQT	Phù hợp Điều lệ SHB ban hành theo QĐ số 261/QĐ-HĐQT ngày 26/6/2018 của HĐQT
4	22/6/2020	QC TCHĐ BKS theo QĐ số 48/2020/QĐ-BKS của BKS	Thay thế QC TCHĐ BKS ban hành theo QĐ số 31/2018/QĐ-BKS ngày 22/6/2020 của BKS	Phù hợp Điều lệ SHB ban hành theo QĐ số 140/QĐ-HĐQT ngày 22/6/2020 của HĐQT

QUẢN LÝ VĂN BẢN**Văn bản bị thay thế:**

Tên	Số hiệu	Ngày ban hành	Thẩm quyền ban hành
Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS SHB	48/2020/QĐ-BKS	22/6/2020	BKS SHB

TÀI LIỆU LIÊN QUAN**Tài liệu bên ngoài:**

Tên	Số hiệu	Ngày ban hành	Nơi ban hành
Luật Các tổ chức tín dụng	47/2010/QH12	16/6/2010	Quốc hội
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng	17/2017/QH14	20/11/2017	Quốc hội
Luật Doanh nghiệp	59/2020/QH14	11/6/2020	Quốc hội
Luật Chứng khoán	54/2019/QH14	26/11/2019	Quốc hội
Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán	155/2020/NĐ-CP	31/12/2020	Chính phủ
Thông tư quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	13/2018/TT-NHNN	18/5/2018	NHNN
Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	40/2018/TT-NHNN	28/12/2018	NHNN
Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ của NHNN	14/2019/TT-NHNN	30/8/2019	NHNN
Thông tư hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP	116/2020/TT-BTC	31/12/2020	Bộ Tài chính
Thông tư hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	96/2020/TT-BTC	16/11/2020	Bộ Tài chính

Tài liệu nội bộ:

Tên	Số hiệu	Ngày ban hành	Nơi ban hành
Quyết định V/v: Ban hành Điều lệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	109/QĐ-HĐQT	07/5/2021	HĐQT
Quy chế Nội bộ về Quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	110/QĐ-HĐQT	07/5/2021	HĐQT

MỤC LỤC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng.....	5
Điều 2. Các từ viết tắt và giải thích từ ngữ.....	5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát SHB	7
Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động.....	7
Chương II. CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY BAN KIỂM SOÁT	9
Điều 5. Cơ cấu, số lượng, nhiệm kỳ, nguyên tắc đề cử vào Ban Kiểm soát	9
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát	10
Điều 7. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ	12
Điều 8. Những trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát	12
Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	12
Điều 10. Thay thế thành viên Ban Kiểm soát.....	13
Điều 11. Bộ máy giúp việc của Ban Kiểm soát	14
Chương III. QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT, TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	14
Điều 12. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.....	14
Điều 13. Quyền hạn và nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát.....	17
Điều 14. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Ban Kiểm soát	18
Điều 15. Trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của các thành viên Ban Kiểm soát.....	19
Chương IV. CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ CÁC MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	21
Điều 16. Chế độ làm việc	21
Điều 17. Họp Ban Kiểm soát	22
Điều 18. Chế độ thông tin và báo cáo	24
Điều 19. Mối quan hệ của Ban Kiểm soát đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị	25
Chương V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	29
Điều 20. Triển khai thực hiện.....	29
Điều 21. Sửa đổi, bổ sung, thay thế.....	29

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN – HÀ NỘI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2021/QĐ-BKS ngày 07/5/2021 của Ban Kiểm soát SHB)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội quy định cụ thể các nguyên tắc tổ chức, hoạt động, quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát; mối quan hệ của Ban Kiểm soát đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong và ngoài Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội.
2. Quy chế này được áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội.

Điều 2. Các từ viết tắt và giải thích từ ngữ

1. Các từ viết tắt:

- XHCN: Xã hội chủ nghĩa.
- NHNN: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- TCTD: Tổ chức tín dụng.
- TMCP: Thương mại cổ phần.
- SHB/Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.
- HĐQT: Hội đồng Quản trị.
- HĐTV: Hội đồng thành viên.
- BKS: Ban Kiểm soát.
- TGD: Tổng Giám đốc.
- KTNB: Kiểm toán nội bộ.
- KSNB: Kiểm soát nội bộ.
- CBNV: Cán bộ nhân viên.
- BCTC: Báo cáo tài chính.
- TCHĐ: Tổ chức và hoạt động.
- GS.QLCC: Giám sát của quản lý cấp cao

2. Giải thích từ ngữ:

- “Luật Doanh nghiệp năm 2020” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, được Quốc hội nước XHCN Việt Nam thông qua ngày 11/6/2020.

- “Luật Các TCTD năm 2010” là Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12, được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 16/6/2010.
- “Luật SĐBS Luật Các TCTD ” là Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14, được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 20/11/2017.
- “Luật Chứng khoán năm 2019” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này (nếu có).
- “Nghị định 155/2020/NĐ-CP” là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán”.
- “Thông tư 13/2018/TT-NHNN” là Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 của NHNN ban hành “Quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”.
- “Thông tư số 116/2020/TT-BTC” là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính “Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán”.
- “Pháp luật”¹ có nghĩa là bao gồm tất cả các Bộ luật, luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến tổ chức và hoạt động của ngân hàng, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản quy phạm pháp luật này.
- “Điều lệ SHB” là Điều lệ của Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 109/QĐ-HĐQT ngày 07/5/2021 của HĐQT SHB.
- “Quy chế Nội bộ về Quản trị SHB” là Quy chế Nội bộ về Quản trị Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 110/QĐ-HĐQT ngày 07/5/2021 của HĐQT SHB.
- “Quy chế TCHĐ BKS” hoặc “Quy chế này” là “Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội” ban hành kèm theo Quyết định số 45/2021/QĐ-BKS ngày 07/5/2021 của HĐQT SHB.
- “Cổ phần”² là Vốn Điều lệ được chia thành các phần bằng nhau.
- “Cổ đông”³ là tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của SHB.

¹ Khoản 6, Điều 1 Điều lệ SHB.

² Khoản 16, Điều 1 Điều lệ SHB.

³ Khoản 18, Điều 1 Điều lệ SHB.

- “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân được quy định tại Khoản 28, Điều 4, Luật Các TCTD năm 2010. Riêng trường hợp công bố thông tin thì Người có liên quan được xác định theo Khoản 46, Điều 4, Luật chứng khoán năm 2019.
- “Người quản lý”⁴ Ngân hàng bao gồm: Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT và TGD.
- “Ban Tổng Giám đốc” là bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc SHB.
- “Người điều hành”⁵ Ngân hàng bao gồm: TGD; các Phó TGD; Giám đốc Khối tại Trụ sở chính; Kế toán trưởng; Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc các đơn vị thành viên của SHB được HĐQT SHB bổ nhiệm.
- “Đơn vị thành viên SHB” gồm: Các đơn vị trực thuộc SHB, Ngân hàng 100% vốn đầu tư của SHB ở nước ngoài, Công ty con của SHB.

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát SHB

1. Giám sát hoạt động của SHB phù hợp với quy định của pháp luật; Điều lệ SHB, các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; các chính sách, quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy định nội bộ của SHB, góp phần bảo đảm hoạt động của SHB an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
2. Bảo vệ quyền lợi cho SHB, cho các cổ đông, cũng như cho CBNV của SHB theo đúng quy định của pháp luật.
3. Đề phòng, phát hiện, ngăn chặn, kiến nghị cấp thẩm quyền xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật và hệ thống KSNB của SHB; các hành vi tiêu cực, lạm dụng quyền lực làm tổn hại đến lợi ích của SHB và các cổ đông.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. BKS SHB là cơ quan do ĐHĐCĐ SHB bầu, có trách nhiệm kiểm soát, đánh giá việc chấp hành các quy định nội bộ, các quy định của pháp luật, Điều lệ và việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; thực hiện việc KTNB các hoạt động kinh doanh và các BCTC của SHB⁶.
2. Các thành viên BKS SHB do ĐHĐCĐ của SHB quyết định về số lượng thành viên BKS từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ SHB và các quy định khác của pháp luật⁷, Khoản 3, Khoản 4 Điều 5 Quy chế này.

⁴ Khoản 25, Điều 1 Điều lệ SHB.

⁵ Khoản 26, Điều 1 Điều lệ SHB.

⁶ Khoản 1, Điều 59 Điều lệ SHB.

⁷ Điểm d, Khoản 2, Điều 32 Điều lệ SHB.

3. Trưởng BKS do BKS bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số⁸. Hình thức biểu quyết, tỷ lệ số phiếu chấp thuận so với tổng số phiếu biểu quyết do Điều lệ SHB quy định.
4. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên BKS phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên BKS SHB phải thuộc danh sách đã được NHNN chấp thuận. SHB thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên BKS trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày được bầu⁹.
5. BKS của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi BKS của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc¹⁰. Người được bầu giữ chức Trưởng BKS có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao công việc của BKS từ người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban và các thành viên BKS nhiệm kỳ vừa kết thúc. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Nghị quyết của ĐHĐCĐ về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban và thành viên BKS; người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Trưởng BKS mới được bầu. Trưởng BKS và các thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tiến hành thủ tục bàn giao cho người kế nhiệm được lập thành Biên bản, trong đó phải có các nội dung sau:
 - a) Bàn giao các công việc theo quyền hạn và nhiệm vụ được giao trong BKS.
 - b) Bàn giao các công việc khác được phân công đảm trách theo quy định nội bộ của SHB.
 - c) Bàn giao danh sách nhân sự CBNV giúp việc BKS (nếu có); CBNV Khối KTNB SHB (có đính kèm Phụ lục chi tiết): Áp dụng đối với Trưởng BKS cũ bàn giao cho Trưởng BKS kế nhiệm.
 - d) Các văn bản, hồ sơ, tài liệu, tài sản đang quản lý (nếu có).
 - e) Thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong nhiệm kỳ tiến hành thủ tục bàn giao nêu tại các Điểm a, b, d Khoản 5 Điều này cho Trưởng BKS cùng nhiệm kỳ hoặc cho thành viên BKS do Trưởng BKS chỉ định.
6. BKS hoạt động theo nguyên tắc cá nhân chịu trách nhiệm đối với từng phần công việc được phân công, đảm bảo khách quan, trung thực, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước, Điều lệ, quy chế của SHB và các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ. Trưởng BKS chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của BKS.

⁸ Khoản 2, Điều 168 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điểm b, Khoản 2, Điều 61 Điều lệ SHB.

⁹ Khoản 1, Khoản 3, Điều 51 Luật Các TCTD năm 2010.

¹⁰ Khoản 4, Điều 59 Điều lệ SHB.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC BỘ MÁY BAN KIỂM SOÁT

Điều 5. Cơ cấu, số lượng, nhiệm kỳ, nguyên tắc đề cử vào Ban Kiểm soát¹¹

1. Cơ cấu, số lượng của BKS:

- a) BKS của SHB có tối thiểu 03 thành viên, trong đó phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại SHB, tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác¹². BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam¹³.
- b) Trường hợp số thành viên BKS không đủ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ SHB thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên BKS, SHB phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên BKS theo quy định¹⁴.

2. Nhiệm kỳ của BKS:

Nhiệm kỳ của BKS không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. Thành viên BKS có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên BKS được bầu bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ.

3. Nguyên tắc ứng cử, đề cử vào BKS:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào BKS¹⁵.

Trường hợp số lượng các ứng cử viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết thì HĐQT, BKS SHB đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do SHB quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT, BKS đương nhiệm đề cử ứng cử viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử¹⁶.

4. Thành lập BKS đặc biệt¹⁷:

- a) Việc thành lập BKS đặc biệt do NHNN xem xét, quyết định theo quy định tại Khoản 1, Điều 145 của Luật Các TCTD năm 2010 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật SDBS Luật các TCTD.

¹¹ Điều 44 Luật Các TCTD năm 2010; Điều 59 Điều lệ SHB.

¹² Khoản 2, Điều 44 Luật Các TCTD năm 2010; Khoản 2, Điều 59 Điều lệ SHB.

¹³ Khoản 2, Điều 168 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

¹⁴ Khoản 5, Điều 44 Luật các TCTD năm 2010; Khoản 5, Điều 59 Điều lệ SHB.

¹⁵ Khoản 5, Điều 115, Luật Doanh nghiệp 2020; Điểm a, Khoản 6, Điều 59 Điều lệ SHB.

¹⁶ Điểm b, Khoản 6, Điều 59 Điều lệ SHB.

¹⁷ Khoản 1, Khoản 2, Điều 145a và Khoản 6, Điều 146đ được bổ sung, sửa đổi, thuộc Khoản 27 Điều 1 Luật SDBS Luật Các TCTD.

- b) Thành phần, số lượng, cơ cấu, cơ chế hoạt động của BKS đặc biệt do NHNN quy định phù hợp với hình thức kiểm soát đặc biệt và thực trạng của SHB.
- c) Trường hợp BKS của SHB hết nhiệm kỳ mà SHB được kiểm soát đặc biệt chưa bầu, bổ nhiệm BKS nhiệm kỳ mới thì BKS hiện tại tiếp tục thực hiện việc kiểm soát SHB theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát**1. Điều kiện làm thành viên BKS¹⁸:**

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 42 Điều lệ SHB;
- b) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020¹⁹;
- c) Bảo đảm đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 66 và Điều 67 Điều lệ SHB;
- d) Có bằng đại học hoặc trên đại học về kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán;
- e) Không phải là người có liên quan của người quản lý SHB;
- f) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của SHB;
- g) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của SHB trong ba (03) năm liền trước đó;
- h) Không được giữ các chức vụ quản lý của SHB; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của SHB, trừ trường hợp Điều lệ SHB có quy định khác²⁰.
- i) Thành viên BKS chuyên trách không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại TCTD hoặc doanh nghiệp khác và phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm²¹.

2. Những người sau đây không được đảm nhiệm chức vụ là thành viên BKS²²:

- a) Thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều 42 SHB như sau:
 - Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang trong thời kỳ chấp hành hình phạt;

¹⁸ Khoản 3, Điều 50 Luật Các TCTD năm 2010; Điều 169 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Khoản 2, Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Khoản 7, Điều 59 Điều lệ SHB.

¹⁹ Điểm a, Khoản 1, Điều 169 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

²⁰ Điểm d, Khoản 1, Điều 169 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

²¹ Điểm g, Khoản 7, Điều 59 Điều lệ SHB.

²² Khoản 1, Điều 33 Luật các TCTD năm 2010 được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 6, Điều 1 Luật SĐBS Luật Các TCTD; Khoản 1, Điều 42 Điều lệ SHB.

- Người đã từng bị kết án về các tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
- Người đã từng bị kết án về các tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;
- Cán bộ, công chức; người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ những người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của nhà nước tại SHB;
- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của nhà nước tại SHB;
- b) Thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
- c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, TGD (Giám đốc), thành viên HĐQT, HĐQT, BKS của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
- d) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
- e) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Trưởng BKS, thành viên BKS, TGD của Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ SHB hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
- f) Những người có liên quan của thành viên HĐQT, TGD không được là thành viên BKS;
- g) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

Điều 7. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ²³

1. Trưởng BKS không được đồng thời là thành viên BKS, người quản lý của tổ chức tín dụng khác.
2. Thành viên BKS không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - Thành viên HĐQT, người điều hành, nhân viên SHB hoặc Công ty con của SHB hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, TGD của SHB là thành viên HĐQT, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;
 - Thành viên HĐQT, thành viên HĐQTV, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên BKS của doanh nghiệp đó đang là thành viên HĐQT, người điều hành tại SHB.

Điều 8. Những trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát²⁴

1. Thành viên BKS đương nhiên mất tư cách trong các trường hợp sau:
 - a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
 - b) Vi phạm quy định tại Điều 33 Luật Các TCTD năm 2010; Khoản 1, Điều 42 Điều lệ SHB hoặc Khoản 2, Điều 6 Quy chế này về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ là thành viên BKS;
 - c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông góp vốn của SHB khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
 - d) Mất tư cách là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam;
 - f) Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép.
2. HĐQT SHB phải có văn bản báo cáo về việc các đối tượng đương nhiên bị mất tư cách theo quy định tại Khoản 1 Điều này kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi NHNN trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định được các đối tượng trên bị đương nhiên mất tư cách và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.
3. Sau khi đương nhiên bị mất tư cách, thành viên BKS của SHB phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát²⁵

1. Trưởng ban và các thành viên BKS SHB bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau đây:

²³ Điều 34 Luật Các TCTD năm 2010; Khoản 5, Điều 42 Điều lệ SHB.

²⁴ Điều 35 Luật Các TCTD năm 2010; Khoản 3, Điều 42 Điều lệ SHB.

²⁵ Điều 36 Luật Các TCTD năm 2010; Khoản 4, Điều 42 Điều lệ SHB.

- a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi HĐQT, BKS;
 - c) Không tham gia các hoạt động của BKS trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d) Không bảo đảm các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 50 Luật Các TCTD năm 2010; Điều lệ SHB và Quy chế này;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của SHB.
2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng ban và các thành viên BKS SHB phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
 3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các chức danh nêu tại Khoản 1 Điều này, HĐQT SHB phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.

Điều 10. Thay thế thành viên Ban Kiểm soát²⁶

1. Thành viên của BKS sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh theo quy định tại các Điều 35, Điều 36 Luật Các TCTD năm 2010; tại các Khoản 3, Khoản 4 Điều 42 Điều lệ SHB và Điều 8, Điều 9 Quy chế này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chấp thuận việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng ban và các thành viên BKS được thực hiện theo quy định của NHNN.
2. Trường hợp các hành vi, quyết định của BKS vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình và có nguy cơ gây thiệt hại cho SHB thì HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm một, một số hoặc toàn bộ các thành viên của BKS đương nhiệm và bầu BKS mới thay thế.
3. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng BKS bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Điều 35 Luật Các TCTD năm 2010; Khoản 3, Điều 42 Điều lệ SHB và Điều 8 Quy chế này, các thành viên BKS có trách nhiệm tổ chức họp BKS để bầu một thành viên BKS (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng BKS.
4. Trưởng BKS muốn từ chức Trưởng ban, phải có đơn gửi đến HĐQT và BKS. Trong thời hạn tối đa sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận đơn xin từ chức của Trưởng BKS, BKS phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng BKS thay thế theo quy định hiện hành.
5. Thành viên BKS muốn từ chức phải có đơn gửi đến HĐQT và BKS để trình ĐHĐCĐ gần nhất quyết định.

²⁶ Điều 63 Điều lệ SHB.

6. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên BKS hoặc không đủ số thành viên BKS tối thiểu theo quy định của Điều lệ SHB, trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên BKS theo quy định, BKS phải đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên BKS.
7. Trong các trường hợp khác, phiên họp gần nhất của ĐHĐCĐ sẽ bầu thành viên BKS mới để thay thế cho thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 11. Bộ máy giúp việc của Ban Kiểm soát²⁷

1. BKS có bộ phận giúp việc là bộ phận KTNB để thực hiện các nhiệm vụ của mình. Tổ chức và hoạt động của bộ phận KTNB SHB tuân thủ theo các quy định về KTNB SHB do HĐQT ban hành trong từng thời kỳ và các quy định của pháp luật có liên quan.
2. BKS được sử dụng các nguồn lực của SHB, được thuê các chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện các nhiệm vụ của mình. Việc thuê các chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện các nhiệm vụ của BKS phải được HĐQT chấp nhận.

Chương III**QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT,
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT****Điều 12. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát²⁸**

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ SHB trong việc quản trị, điều hành SHB; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ được giao.
2. Thực hiện chức năng KTNB; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành SHB để thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ được giao
3. Thực hiện giám sát của quản lý cấp cao của BKS đối với KTNB²⁹ bao gồm:
 - a) Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên nội bộ của SHB;
 - b) Giám sát bộ phận KTNB trong việc:
 - i. Thực hiện KTNB;

²⁷ Khoản 3, Điều 44 Luật Các TCTD năm 2010; Khoản 3, Điều 59 Điều lệ SHB.

²⁸ Điều 45 Luật Các TCTD năm 2010; Điều 170, 171 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Thông tư số 13/2018/TT-NHNN của NHNN; Điều 60 Điều lệ SHB.

²⁹ Điều 13 Thông tư số 13/2018/TT-NHNN.

- ii. Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của KTNB và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng KTNB (Giám đốc Khối KTNB);
- iii. Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của KTNB theo yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;
- c) Các nội dung khác do BKS quy định.
- 4. Ban hành Quy định nội bộ của BKS và Bộ phận KTNB³⁰; định kỳ hằng năm xem xét lại Quy định nội bộ của BKS. Cụ thể:
 - a) BKS ban hành các Quy định nội bộ của BKS như sau:
 - i. Quy chế TCHĐ của BKS trong từng thời kỳ, khi có sự thay đổi các quy định của pháp luật có liên quan;
 - ii. Quy định về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên BKS SHB; nhằm thực hiện Khoản 1, Điều 67 Thông tư 13/2018/TT-NHNN;
 - iii. Quy trình GS.QLCC của BKS đối với KTNB SHB; nhằm cụ thể hóa Quy định GS.QLCC của BKS đối với KTNB SHB theo Điều 13 Thông tư 13/2018/TT-NHNN;
 - iv. Cơ chế làm việc của BKS, khi ĐHĐCĐ SHB bầu BKS nhiệm kỳ mới hoặc bổ sung/thay thế thành viên BKS trong nhiệm kỳ;
 - v. Các Quy định nội bộ khác của BKS phát sinh trong từng thời kỳ, để cập nhật theo các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của SHB.
 - b) BKS ban hành các Quy định nội bộ của KTNB như sau:
 - i. Tiêu chuẩn của kiểm toán viên nội bộ theo quy định tại Điều 66; chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của kiểm toán viên nội bộ theo quy định tại Điều 67; cơ cấu tổ chức, quyền hạn, nhiệm vụ, trách nhiệm của bộ phận KTNB theo quy định tại Điều 68 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.
 - ii. Tiêu chí xác định mức độ rủi ro, mức độ trọng yếu và tần suất thực hiện KTNB của các hoạt động, quy trình, bộ phận quy định tại Khoản 2 Điều 69 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.
 - iii. Quy trình lập, thực hiện kế hoạch KTNB quy định tại Khoản 3 Điều 69 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.
 - iv. Quy định về việc rà soát, đánh giá quy định về KTNB, xử lý kiến nghị về KTNB của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác theo Khoản 4 Điều 69 Thông tư số 13/2018/TT-NHNN của NHNN.
 - v. Quy định về việc thuê chuyên gia, tổ chức bên ngoài để thực hiện KTNB theo Khoản 5 Điều 69 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

³⁰ Điều 69 Thông tư số 13/2018/TT-NHNN.

- vi. Chế độ báo cáo nội bộ về KTNB theo quy định tại Điều 72 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.
- vii. Quy định về xử lý vi phạm trong hoạt động KTNB tại SHB; nhằm thực hiện Nội quy lao động và các quy định nội bộ khác của SHB;
- viii. Các Quy định nội bộ khác của KTNB phát sinh trong từng thời kỳ, để cập nhật theo các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của SHB.
4. Ban hành Kế hoạch KTNB hằng năm của SHB và Kế hoạch KTNB điều chỉnh (nếu có) theo đề nghị của Giám đốc Khối KTNB sau khi tham khảo ý kiến của HĐQT và TGD SHB³¹.
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận KTNB³².
6. Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận KTNB theo quy định của NHNN.
7. BKS chỉ đạo bộ phận KTNB hằng năm thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan về hệ thống KSNB (bao gồm hệ thống nhận dạng và quản lý rủi ro; phương pháp đánh giá vốn; hệ thống thông tin báo cáo tài chính và thông tin quản lý; các quy trình, quy định nội bộ của SHB) và định kỳ thông báo cho HĐQT, TGD về hệ thống KSNB; đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống KSNB.
8. Thẩm định BCTC 06 tháng đầu năm và hằng năm của SHB; bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện. Báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả thẩm định BCTC hằng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cân trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập BCTC. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên ĐHĐCĐ³³.
9. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của SHB khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của các đối tượng nêu trên. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại Khoản này không

³¹ Khoản 2, Điều 70 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

³² Khoản 9, Điều 1 Luật SDBS Luật Các TCTD ; Khoản 4, Điều 60 Điều lệ SHB.

³³ Khoản 4, Điều 45 Luật Các TCTD năm 2010; Khoản 3 Điều 170 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Khoản 8, Điều 60 Điều lệ SHB.

được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của SHB³⁴.

10. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ SHB của thành viên HĐQT, TGD, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
11. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và những người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD của SHB; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này³⁵.
12. Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ họp bất thường theo quy định tại Điều lệ SHB³⁶.
13. Triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của Điều lệ SHB hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của SHB³⁷.
14. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của SHB³⁸.
15. Đảm bảo phối hợp hiệu quả với Kiểm toán độc lập, Kiểm toán nhà nước, Ngân hàng Nhà nước.
16. Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng, bãi miễn nhiệm kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết³⁹.
17. Các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ SHB và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 13. Quyền hạn và nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát⁴⁰

1. Tổ chức triển khai thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 60 Điều lệ SHB, Điều 12 Quy chế này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

³⁴ Khoản 5, Điều 45 Luật Các TCTD năm 2010; Khoản 5 Điều 170 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Khoản 9, Điều 60 Điều lệ SHB.

³⁵ Khoản 7, Điều 45 Luật Các TCTD năm 2010; Khoản 11, Điều 60 Điều lệ SHB.

³⁶ Khoản 8, Điều 45 Luật Các TCTD năm 2010; Khoản 12, Điều 60 Điều lệ SHB.

³⁷ Khoản 9, Điều 45 Luật Các TCTD năm 2010; Khoản 13, Điều 60 Điều lệ SHB.

³⁸ Khoản 14, Điều 60 Điều lệ SHB.

³⁹ Khoản 1, Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Khoản 18 Điều 60 Điều lệ SHB.

⁴⁰ Điều 46 Luật Các TCTD năm 2010; Khoản 1, Điều 61 Điều lệ SHB.

2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của BKS trên cơ sở xem xét các vấn đề quan tâm của tất cả thành viên BKS liên quan đến quyền hạn, nhiệm vụ của BKS; triệu tập và chủ tọa cuộc họp của BKS.
3. Thay mặt BKS ký các văn bản thuộc thẩm quyền của BKS.
4. Thay mặt BKS triệu tập ĐHĐCĐ họp bất thường theo quy định tại Khoản 9, Điều 45 Luật Các TCTD năm 2010, Điểm d, Khoản 3, Điều 33 Điều lệ SHB, hoặc đề nghị HĐQT họp bất thường.
5. Tham dự các cuộc họp của HĐQT, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết⁴¹.
6. Yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong Biên bản cuộc họp HĐQT, nếu ý kiến của mình khác với các quyết định của HĐQT và báo cáo trước ĐHĐCĐ.
7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS thực hiện chức năng, nhiệm vụ của BKS quy định tại Điều 12 Quy chế này và Điều 60 Điều lệ SHB.
8. Bảo đảm các thành viên BKS nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà BKS phải xem xét.
9. Giám sát, chỉ đạo các thành viên BKS trong việc thực hiện các công việc được phân công và quyền hạn, nhiệm vụ của BKS.
10. Thực hiện đánh giá hiệu quả làm việc theo các Báo cáo hằng năm của các thành viên BKS gửi trường BKS về việc thực hiện các công việc được phân công và thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của thành viên BKS quy định tại Điều 14 Quy chế này⁴².
11. Ủy quyền cho một thành viên của BKS thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.
12. Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của SHB.

Điều 14. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên BKS tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ SHB và Quy chế, Quy định nội bộ của BKS một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của SHB và cổ đông.
2. Bầu một thành viên BKS làm Trưởng BKS⁴³. Việc bầu Trưởng BKS lập thành Biên bản và báo cáo HĐQT.

⁴¹ Khoản 5, Điều 46 Luật Các TCTD năm 2010; Khoản 9, Điều 170 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điểm e, Khoản 1, Điều 61 Điều lệ SHB.

⁴² Điều 32, Điều 33 Quy chế Nội bộ về Quản trị SHB.

⁴³ Khoản 2, Điều 47 Luật các TCTD năm 2010

3. Yêu cầu Trưởng BKS triệu tập BKS họp bất thường khi cần thiết, theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 17 Quy chế này.
4. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, các BCTC và kiến nghị biện pháp khắc phục.
5. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của SHB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
6. Báo cáo Trưởng BKS về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.
7. Tham dự các cuộc họp của BKS, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc quyền hạn, nhiệm vụ của BKS, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
8. Các quyền hạn, nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ SHB.

Điều 15. Trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của các thành viên Ban Kiểm soát

1. Trách nhiệm và nghĩa vụ⁴⁴:
 - a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích của SHB và của cổ đông.
 - b) Trung thành với lợi ích SHB; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của SHB, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của SHB để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, các nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của SHB.
 - c) Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của BKS, các tài liệu khác của SHB để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của SHB, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của NHNN.
 - d) Am hiểu các loại rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng và xây dựng hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ hiệu quả.
 - e) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho SHB về quyền lợi của mình tại các tổ chức khác, các giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của SHB và chỉ được tham gia vào các giao dịch đó khi được HĐQT chấp thuận.
 - f) Thành viên BKS không được vay hoặc tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn tại SHB, không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình sử dụng các dịch vụ ngân hàng của SHB với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của SHB⁴⁵.

⁴⁴ Điều 38, Điều 39 Luật Các TCTD năm 2010; các Điều 66, 67, 68 Điều lệ SHB.

⁴⁵ Khoản 1, Điều 126 Luật Các TCTD năm 2010; Khoản 7, Điều 67 Điều lệ SHB.

- g) Thành viên BKS phải công khai với SHB các thông tin sau đây⁴⁶:
- Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà họ, những người liên quan của họ đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc uỷ quyền, uỷ thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên, bao gồm: Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - Doanh nghiệp mà họ, những người liên quan của họ đang là thành viên HĐQT, HĐQT, BKS, TGD (Giám đốc) bao gồm: Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh.
- h) Việc công khai các lợi ích theo quy định tại Điểm g, Khoản 1 Điều này và việc thay đổi các lợi ích liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc thay đổi lợi ích⁴⁷.
- i) Việc công khai các lợi ích theo quy định tại Điểm g, Khoản 1 Điều này phải được thông báo định kỳ hằng năm cho ĐHĐCĐ của SHB và được niêm yết, lưu giữ tại Trụ sở chính của SHB⁴⁸.
- j) Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi Ngân hàng bị lỗ⁴⁹.
- k) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD (Giám đốc) và người quản lý, người điều hành khác của SHB không được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do SHB phát hành (nếu có)⁵⁰.
- l) Thành viên BKS là cổ đông cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên BKS của SHB không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ⁵¹, trừ các trường hợp quy định tại các Điểm a, b, Khoản 2, Điều 56 Luật Các TCTD năm 2010 và Khoản 15, Điều 1 Luật Các SDBS Luật Các TCTD.
- m) Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường⁵²:
- Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên BKS vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực và cẩn trọng theo quy định tại Điều 66 Điều lệ SHB và Điểm a, Khoản 1 Điều này sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
 - Bồi thường: Ngân hàng sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện

⁴⁶ Khoản 1, Điều 39 Luật Các TCTD năm 2010; Điều 68 Điều lệ SHB.

⁴⁷ Khoản 2, Điều 68 Điều lệ SHB.

⁴⁸ Khoản 3 Điều 68 Điều lệ SHB.

⁴⁹ Khoản 8, Điều 67 Điều lệ SHB.

⁵⁰ Khoản 3, Điều 52 Luật các TCTD năm 2010.

⁵¹ Khoản 1, Điều 56 Luật các TCTD năm 2010.

⁵² Điều 70 Điều lệ SHB.

tụng do Ngân hàng thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Ngân hàng) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên BKS hoặc người đó đã và đang làm theo yêu cầu của Ngân hàng với tư cách thành viên BKS. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Ngân hàng, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. SHB có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

2. Thù lao và lợi ích của thành viên BKS⁵³:
 - a) Thành viên BKS được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo Quyết định của ĐHĐCĐ. ĐHĐCĐ quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS.
 - b) Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.
 - c) Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của SHB theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của SHB.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ CÁC MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 16. Chế độ làm việc

1. Các thành viên BKS làm việc theo chế độ chuyên trách và kiêm nhiệm. Thành viên BKS chuyên trách là thành viên BKS làm việc thường trực giữa các kỳ họp của BKS và chịu trách nhiệm về một hoặc một số nhiệm vụ do BKS phân công. Các thành viên BKS tự phân phối thời gian làm việc hợp lý nhằm hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Đề thảo luận, giải quyết và đánh giá công việc cũng như tình hình hoạt động, tình hình tài chính của SHB, BKS có thể tổ chức các phiên họp định kỳ hoặc bất thường theo quy định tại Điều 17 Quy chế này.

⁵³ Điều 65 Điều lệ SHB.

3. Khi BKS thực hiện kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của SHB khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn hoặc HĐQT quy định tại Khoản 9, Điều 12 Quy chế này.

Điều 17. Họp Ban Kiểm soát⁵⁴

1. Phiên họp thường kỳ: BKS họp định kỳ hằng quý trong năm vào tuần đầu tiên của quý tiếp theo và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất..
2. Phiên họp bất thường: Phiên họp bất thường của BKS được tiến hành theo đề nghị của:
 - a) Chủ tịch HĐQT;
 - b) Ít nhất hai phần ba số thành viên HĐQT;
 - c) Trưởng BKS;
 - d) Ít nhất 02 thành viên BKS;
 - e) TGD;
 - f) Giám đốc NHNN Chi nhánh Thành phố Hà Nội.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp BKS bất thường của một trong các đối tượng nêu tại Điểm a, Khoản 2 Điều này, Trưởng BKS phải triệu tập và tiến hành phiên họp BKS bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng BKS không triệu tập phiên họp BKS, HĐQT và các thành viên BKS phải có ngay văn bản báo cáo NHNN Chi nhánh Thành phố Hà Nội và tiến hành họp BKS để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên BKS đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng ban, trình NHNN chấp thuận theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức ĐHĐCĐ bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

3. Địa điểm họp: Các phiên họp BKS sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của SHB.
4. Thông báo và Chương trình họp: Phiên họp BKS được tiến hành sau 5 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên BKS. Thông báo về phiên họp BKS được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: Chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại phiên họp BKS và cả các phiếu bầu biểu quyết cho những thành viên BKS không thể dự họp. Những thành viên BKS này sẽ gửi phiếu bầu biểu quyết cho BKS trước khi họp.

⁵⁴ Điều 64 Điều lệ SHB.

5. Số thành viên tối thiểu tham dự các phiên họp: Phiên họp BKS được tiến hành khi có từ hai phần ba số thành viên BKS trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên BKS được uỷ quyền. Trường hợp triệu tập họp BKS định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng BKS phải triệu tập tiếp phiên họp BKS lần hai trong thời gian không quá 15 ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp BKS không đủ số thành viên tham dự, Trưởng BKS phải thông báo cho HĐQT biết và đề nghị triệu tập ĐHĐCD bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên BKS.
6. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, TGD và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự cuộc họp và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.
7. Biểu quyết:
 - a) Mỗi thành viên BKS tham dự phiên họp BKS sẽ có một phiếu biểu quyết tại phiên họp BKS. Nếu thành viên BKS không thể tham dự phiên họp thì có thể uỷ quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên BKS khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.
 - b) Thành viên BKS có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra BKS quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại phiên họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên BKS khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
 - c) Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một phiên họp liên quan đến quyền lợi của thành viên BKS hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên BKS và những nghi ngờ đó không được thành viên BKS đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ toạ của phiên họp. Phán quyết của Chủ toạ sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận, trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên BKS có liên quan đó chưa được biết rõ.
 - d) Bất kỳ thành viên BKS nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong Khoản 1, Điều 167 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
8. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên BKS nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với SHB phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại phiên họp HĐQT và phiên họp BKS, tại đây HĐQT và BKS sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành

viên đó phải thông báo ngay tại phiên họp gần nhất của HĐQT và phiên họp gần nhất của BKS sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

9. Biểu quyết đa số: Quyết định của BKS được thông qua nếu được đa số thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng BKS hoặc thành viên BKS được BKS uỷ quyền Chủ tọa phiên họp (trường hợp Trưởng BKS vắng mặt).
10. Trường hợp BKS lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên BKS tại một phiên họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
 - a) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
 - b) Số lượng thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp BKS.
11. Về yêu cầu cuộc họp của BKS:
 - a) Các cuộc họp của BKS phải có số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên BKS.
 - b) Biên bản họp BKS: Các phiên họp BKS phải được ghi vào biên bản một cách đầy đủ, chi tiết và rõ ràng. Biên bản họp BKS được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên BKS tham dự phiên họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản. Chủ tọa phiên họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản phiên họp BKS cho các thành viên BKS và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các phiên họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.

Điều 18. Chế độ thông tin và báo cáo

1. Quyền được cung cấp thông tin của BKS⁵⁵
 - a) Các tài liệu sau được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và phương thức như đối với thành viên HĐQT:
 - Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo.
 - Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT.
 - Báo cáo của TGD trình HĐQT hoặc tài liệu khác do SHB phát hành

⁵⁵ Điều 62 Điều lệ SHB.

- b) Thành viên BKS có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu trữ tại Trụ sở chính, Chi nhánh và các địa điểm khác.
- c) HĐQT, thành viên HĐQT, TGD và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của SHB theo yêu cầu của BKS, phải bảo đảm rằng tất cả các bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT cũng như các biên bản họp HĐQT sẽ được cung cấp cho thành viên BKS vào cùng thời điểm cung cấp cho các thành viên HĐQT.

2. Chế độ báo cáo:

- a) Mọi thông tin báo cáo của BKS gửi HĐQT, ĐHĐCĐ hoặc ra bên ngoài đều phải do Trưởng BKS hoặc người được ủy quyền của Trưởng BKS ký duyệt và phát ngôn.
- b) Định kỳ 6 tháng (trước ngày 25 tháng 6) và hằng năm (trước ngày 25 tháng 12), các thành viên BKS báo cáo Trưởng BKS về việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong kỳ báo cáo đã được quy định tại Điều 14 Quy chế này và trong bản Cơ chế làm việc và phân công nhiệm vụ của BKS SHB từng thời kỳ; báo cáo đột xuất về các hoạt động tài chính bất thường, chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình⁵⁶.
- b) Trưởng BKS lập báo cáo, trình bày báo cáo của BKS tại các cuộc họp với HĐQT, ĐHĐCĐ. Thảo luận với HĐQT về các vấn đề quan tâm trong hoạt động của SHB và giải pháp chấn chỉnh các tồn tại.

3. Lưu trữ và bảo mật tài liệu, thông tin:

- a) Toàn bộ các tài liệu liên quan đến hoạt động của BKS được lưu giữ tại nơi làm việc của BKS tại Trụ sở chính của SHB.
- b) Các thành viên BKS có trách nhiệm bảo mật tài liệu, thông tin của Ngân hàng và chỉ được phép tiết lộ khi có yêu cầu của Trưởng BKS, HĐQT, TGD và của cơ quan đại diện pháp luật theo quy định của SHB.

Điều 19. Mối quan hệ của Ban Kiểm soát đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Đối với Khối KTNB:

- a) Chỉ đạo, điều hành Khối KTNB thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống KSNB, trong đó bao gồm hệ thống nhận dạng và quản lý rủi ro; phương pháp đánh giá vốn; hệ thống thông tin báo cáo tài chính và thông tin quản lý; các quy trình, quy định nội bộ của SHB.
- b) Trực tiếp chỉ đạo, điều hành, giám sát hoạt động của Khối KTNB.

⁵⁶ Điều 32, Điều 33 Quy chế Nội bộ về Quản trị SHB.

- c) Rà soát, đánh giá để đảm bảo tính hiệu quả của công tác KTNB; chịu trách nhiệm chính về việc đảm bảo chất lượng hoạt động KTNB.
- d) Đảm bảo công tác KTNB có vị trí thích hợp trong SHB và không có bất kỳ trở ngại bất hợp lý đối với hoạt động của Khối KTNB.
- e) Chỉ đạo xây dựng, sửa đổi, bổ sung và thường xuyên hoàn thiện chính sách KTNB, trình cấp có thẩm quyền theo quy định của SHB.
- f) Phê duyệt chính sách KTNB: ban hành kế hoạch KTNB hằng năm theo đề nghị của Giám đốc Khối KTNB, đảm bảo kế hoạch KTNB được định hướng theo rủi ro; quyết định thành lập các Đoàn KTNB theo Kế hoạch KTNB đã phê duyệt hoặc kiểm toán đột xuất và chỉ đạo xử lý kết quả KTNB; cử các đơn vị KTNB, cán bộ KTNB tham gia các Đoàn kiểm tra theo các quyết định của HĐQT và TGD.
- g) Đảm bảo cho Khối KTNB phối hợp có hiệu quả với Kiểm toán độc lập, Kiểm toán nhà nước, NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng - NHNN hoặc đơn vị Thanh tra, giám sát ngân hàng NHNN Chi nhánh tại các tỉnh, thành phố) khi được yêu cầu.
- h) Thực hiện GS.QLCC của BKS đối với KTNB theo quy định tại Thông tư số 13/2018/TT-NHNN và Quy định GS.QLCC của BKS đối với KTNB SHB hiện hành của BKS theo quy định tại Khoản 3, Điều 12 và các Điều, Khoản khác có liên quan Quy chế này.
- i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ, quyết định lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Giám đốc Khối KTNB, Phó Giám đốc Khối KTNB, các chức danh khác của Khối KTNB phù hợp với quy định của pháp luật, NHNN, Điều lệ SHB và Khoản 4, Điều 12 Quy chế này.
- j) Xem xét, quyết định điều động cán bộ KTNB trong địa bàn phù hợp điều kiện nhân sự thực tế của Khối KTNB, đảm bảo hoạt động KTNB được an toàn, hiệu quả, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Khối KTNB.
- k) Khối KTNB báo cáo kết quả các cuộc KTNB cho BKS và các cấp có thẩm quyền của SHB theo quy định, đảm bảo tính trung thực, khách quan, đầy đủ, chính xác, kịp thời.
- l) Giám đốc Khối KTNB làm việc trực tiếp với Chủ tịch HĐQT, TGD về các vấn đề cấp thiết của KTNB và sau đó có báo cáo lại nội dung, kết quả với Trường BKS để cùng biết và chỉ đạo.
- m) Trường hợp phát hiện các sai phạm nghiêm trọng hoặc có dấu hiệu cho thấy những nguy cơ rủi ro cao có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động của các đơn vị và của SHB, Giám đốc Khối KTNB phải báo cáo ngay cho HĐQT, BKS, TGD để có biện pháp xử lý kịp thời.

- n) Định kỳ hằng tháng/quý/6 tháng/năm, Giám đốc Khối KTNB tổ chức thực hiện các báo cáo: Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch KTNB SHB; Báo cáo kết quả giám sát từ xa; Báo cáo kết quả chấn chỉnh sau KTNB; Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán theo từng nghiệp vụ; Báo cáo về KTNB, Báo cáo kết quả tự đánh giá KTNB theo yêu cầu tại Thông tư 13/TT-NHNN; và các báo cáo đột xuất/nội bộ khác theo yêu cầu để gửi BKS và các cấp thẩm quyền khác theo quy định cụ thể (loại báo cáo, kỳ báo cáo, thời gian báo cáo, mẫu biểu báo cáo, nơi nhận báo cáo...) tại Quy chế tổ chức hoạt động của Khối KTNB và Quy trình KTNB.
- o) Giám đốc Khối KTNB tổ chức họp toàn thể cán bộ, nhân viên Khối KTNB định kỳ tháng, quý, năm hoặc đột xuất, có mời đại diện lãnh đạo BKS tham dự.

2. Đối với Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các đơn vị của SHB:

- a) Thực hiện cơ chế phối hợp giữa BKS với TGD theo Quy chế Nội bộ về Quản trị SHB được SHB ban hành từng thời kỳ.
- b) BKS có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Trưởng các Đơn vị tại Trụ sở chính và tại các Chi nhánh, Ngân hàng 100% vốn của SHB ở nước ngoài, Công ty con trực thuộc của SHB cung cấp các thông tin và hỗ trợ nguồn lực, các điều kiện cần thiết khác phù hợp cho hoạt động của BKS và Bộ phận KTNB SHB theo chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ, trách nhiệm của BKS được quy định trong Điều lệ, Quy định tổ chức và hoạt động của BKS; Quy định về quyền hạn, nhiệm vụ, trách nhiệm của Khối KTNB đã được BKS ban hành từng thời kỳ và những quy định nội bộ khác có liên quan của SHB và pháp luật.
- c) BKS trao đổi với Ban Điều hành, Trưởng các Đơn vị của SHB về các phát hiện, kiến nghị và nghe ý kiến phản hồi của Ban Điều hành, Trưởng các Đơn vị có liên quan của SHB để có các kết luận, đề xuất hợp lý trước khi gửi báo cáo cho HĐQT, ĐHCĐ của SHB.
- d) BKS thực hiện việc xem xét các vấn đề do TGD SHB đề nghị, trong đó có việc kiểm tra tính tuân thủ của các đơn vị, cá nhân SHB theo nội dung các đơn thư khiếu nại, tố cáo do TGD chuyển cho BKS (nếu có) để xem xét theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ SHB.
- e) TGD tiếp nhận báo cáo nội bộ về KTNB, tổ chức thực hiện các kiến nghị của BKS đối với TGD tại báo cáo kết quả KTNB (nếu có) và báo cáo BKS kết quả thực hiện các kiến nghị.

3. Đối với Hội đồng Quản trị:

- a) Ngoài nhiệm vụ giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ SHB trong việc quản trị của HĐQT đối với SHB; BKS cùng bộ máy giúp việc còn hỗ trợ HĐQT trong việc giám sát toàn bộ các hoạt động của Ngân hàng, đề xuất, tham vấn

các vấn đề, giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống KSNB, đảm bảo an toàn, hiệu quả trong hoạt động của Ngân hàng.

- b) Thực hiện cơ chế phối hợp giữa BKS với HĐQT theo Quy chế Nội bộ về Quản trị SHB được SHB ban hành từng thời kỳ.
- c) Kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện vi phạm của người quản lý tại SHB; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có; tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
- d) BKS lập báo cáo, trình bày báo cáo của BKS tại các cuộc họp với HĐQT (kể cả các cuộc họp hằng quý theo Thông báo mời họp của HĐQT SHB); 6 tháng, năm báo cáo HĐQT về tình hình thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ được giao của BKS, kết quả thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng và năm theo quy định tại Điều lệ SHB.
- e) BKS thực hiện việc xem xét các vấn đề do HĐQT SHB yêu cầu, trong đó có việc kiểm tra tính tuân thủ của các đơn vị, cá nhân SHB theo nội dung các đơn thư khiếu nại, tố cáo do Chủ tịch HĐQT chuyển cho BKS (nếu có) để xem xét theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ SHB.
- f) HĐQT thực hiện các kiến nghị của BKS đối với HĐQT tại báo cáo kết quả KTNB (nếu có) và thông báo cho BKS về kết quả thực hiện kiến nghị.

4. Đối với Đại hội đồng cổ đông:

BKS là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu, có trách nhiệm kiểm soát, đánh giá việc chấp hành các quy định nội bộ, các quy định của pháp luật, Điều lệ và thực hiện các chủ trương, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; thực hiện việc KTNB các hoạt động kinh doanh và BCTC của SHB.

5. Đối với Ngân hàng Nhà nước:

- a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành (sửa đổi, bổ sung) BKS phải gửi Kế hoạch KTNB SHB cho NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng – NHNN)⁵⁷;
- b) Chậm nhất 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Trưởng BKS và TGD SHB phải gửi Báo cáo KTNB của năm tài chính cho NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng – NHNN)⁵⁸.
- c) BKS xem xét các đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến đơn vị, cá nhân SHB do Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng NHNN chuyển tới, theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của SHB.

6. Đối với các cơ quan bên ngoài khác:

⁵⁷ Khoản 5, Điều 70 Thông tư 13 của NHNN

⁵⁸ Điểm b.(i), Khoản 3, Điều 7 Thông tư 13 của NHNN

Khi có yêu cầu, kiến nghị, khiếu nại của khách hàng và/hoặc của các đơn vị, cá nhân khác bên ngoài SHB gửi cho BKS; BKS có trách nhiệm cùng với các bộ phận liên quan của SHB tổ chức thẩm tra, xác minh để trả lời khách hàng hoặc tư vấn nội dung thư cho thủ trưởng đơn vị liên quan của SHB trả lời khách hàng và/hoặc đơn vị, cá nhân khác theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ SHB.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Triển khai thực hiện

1. Trưởng BKS có trách nhiệm tổ chức, triển khai đến các thành viên BKS và các đơn vị, cá nhân liên quan thực hiện Quy chế này.
2. Khi pháp luật có thay đổi làm một hoặc một số Điều của Quy chế này không còn hiệu lực thì các Điều khác vẫn có hiệu lực cho đến khi Quy chế này được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung.
3. Nếu có bất kỳ điều khoản nào trong Quy chế này trái hoặc mâu thuẫn với Điều lệ SHB và các quy định của pháp luật có liên quan thì các quy định của Điều lệ SHB và các quy định của pháp luật có liên quan sẽ được áp dụng.
4. Những vấn đề không được đề cập đến trong Quy chế này thì được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ khác của SHB.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung, thay thế

Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do BKS xem xét./.

